

**NGHỊ QUYẾT**  
**Về kế hoạch phát triển kinh tế- xã hội 5 năm 2016 - 2020**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH CAO BẰNG**  
**KHOÁ XV, KỲ HỌP THỨ 14**

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân ngày 03 tháng 12 năm 2004;

Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước ngày 16 tháng 12 năm 2002;

Xét Tờ trình số 3374/TTr-UBND ngày 20 tháng 11 năm 2015 của Ủy ban nhân dân tỉnh Cao Bằng về việc đề nghị phê chuẩn kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2016 - 2020;

Sau khi nghe báo cáo thẩm tra của các Ban Hội đồng nhân dân tỉnh và ý kiến thảo luận của các đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp,

**QUYẾT NGHỊ:**

**Điều 1.** Nhất trí thông qua kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2016 -2020 với nội dung sau:

1. Các chỉ tiêu chủ yếu

a) Về kinh tế

- Tổng sản phẩm trong tỉnh (GRDP) tăng bình quân trên 7%/năm, trong đó:

+ Nông - lâm - ngư nghiệp tăng 3,5%;

+ Công nghiệp và xây dựng tăng 9,5%;

+ Dịch vụ tăng 8,7%;

- Tỷ trọng cơ cấu các ngành kinh tế trong GRDP đến năm 2020: nông - lâm - ngư nghiệp 19,5%; công nghiệp - xây dựng 23,0%; dịch vụ 57,5%;

- GRDP bình quân đầu người đạt trên 1.650 USD;

- Tổng sản lượng lương thực có hạt đạt 265 ngàn tấn; giá trị sản phẩm trồng trọt, nuôi trồng thủy sản trên 1 đơn vị diện tích (ha) đạt 40 triệu đồng;
- Tổng kim ngạch xuất nhập khẩu qua địa bàn tăng trên 10%/năm;
- Thu ngân sách trên địa bàn tăng bình quân trên 10%/năm. Trong đó: Thu nội địa tăng 16%/năm; thu xuất nhập khẩu tăng 4,5%/năm;
- Tổng vốn đầu tư toàn xã hội tăng bình quân trên 10%/năm.

#### b) Về văn hóa - xã hội

- Duy trì và nâng cao chất lượng các bậc học, cấp học; hàng năm mỗi huyện, thành phố có thêm ít nhất 01 trường chuẩn quốc gia; đến năm 2020 có 35% số xã đạt chuẩn phổ cập giáo dục tiểu học đúng độ tuổi mức độ II;
- Giảm tỷ suất sinh trung bình hàng năm 0,089‰; tỷ lệ tăng dân số tự nhiên 0,88%;
- Có trên 15 bác sỹ/vạn dân; 100% trạm y tế xã có bác sỹ; 60% xã đạt chuẩn quốc gia về y tế xã; 96% dân số tham gia bảo hiểm y tế;
- Tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi bị suy dinh dưỡng giảm trung bình 0,38%/ năm, đến năm 2020 giảm xuống còn dưới 18%;
- Tỷ lệ gia đình đạt tiêu chuẩn văn hoá 85%; tỷ lệ làng, xóm, tổ dân phố đạt tiêu chuẩn văn hoá 55%; số cơ quan đạt tiêu chuẩn văn hoá 90%; tỷ lệ đơn vị cơ sở có nhà văn hoá: 78,8%;
- Tỷ lệ hộ nghèo: giảm bình quân mỗi năm trên 2%;
- Tỷ lệ lao động qua đào tạo 45%, trong đó qua đào tạo nghề 33%; có 50% lực lượng lao động tham gia bảo hiểm xã hội; 35% lực lượng lao động tham gia bảo hiểm thất nghiệp;
- Số xã được công nhận đạt tiêu chí nông thôn mới đạt từ 20 xã trở lên.

#### c) Về môi trường

- Tỷ lệ che phủ rừng 53%;
- Phần đầu đạt trên 95% dân cư thành thị được dùng nước sạch và trên 90% dân cư nông thôn được dùng nước sinh hoạt hợp vệ sinh;
- Phần đầu 50% số hộ chăn nuôi đưa gia súc ra khỏi gầm sàn.

### 2. Các giải pháp chủ yếu

#### 2.1. Về kinh tế

a) Tiếp tục triển khai Quyết định số 2135/QĐ-UBND ngày 29 tháng 11 năm 2013 của Ủy ban nhân dân tỉnh Về ban hành Chương trình hành động của tỉnh Cao Bằng thực hiện Đề án tổng thể tái cơ cấu nền kinh tế giai đoạn 2013 - 2020 do Thủ tướng Chính phủ phê duyệt, trọng tâm là tái cơ cấu đầu tư công, tái cơ cấu doanh nghiệp nhà nước và tái cơ cấu hệ thống ngân hàng. Thực hiện tái cơ cấu kinh tế gắn với chuyển đổi mô hình tăng trưởng theo lộ trình và bước đi phù hợp để đến năm 2020 cơ bản hình thành mô hình tăng trưởng kinh tế

theo chiều sâu, bảo đảm chất lượng tăng trưởng, nâng cao hiệu quả và năng lực cạnh tranh. Tiếp tục huy động các nguồn lực thực hiện các chương trình trọng tâm của tỉnh nhằm thực hiện thắng lợi các mục tiêu kinh tế - xã hội giai đoạn 2016 - 2020.

b) Thực hiện rà soát, điều chỉnh, bổ sung quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội các huyện, thành phố, các quy hoạch ngành, lĩnh vực, sản phẩm để phù hợp với quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2025. Tiếp tục thực hiện đổi mới công tác quy hoạch, kế hoạch theo hướng phát huy tối đa những tác động tích cực của thị trường và gắn với nguồn lực.

c) Tiếp tục triển khai thực hiện đề án tái cơ cấu ngành nông nghiệp theo Quyết định số 1384/QĐ-BNN-KH ngày 18 tháng 6 năm 2013 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về ban hành chương trình hành động thực hiện đề án "tái cơ cấu ngành nông nghiệp theo hướng nâng cao giá trị gia tăng và phát triển bền vững theo Quyết định số 899/QĐ-TTg ngày 10/6/2013 của Thủ tướng Chính phủ."

Có chính sách thu hút nguồn lực của mọi thành phần kinh tế vào khai thác các tiềm năng sẵn có trong nông nghiệp - nông thôn vào sản xuất và phục vụ đời sống nhân dân. Tăng cường khai thác lợi thế tự nhiên của các địa phương trong lĩnh vực nông, lâm nghiệp, duy trì và mở rộng diện tích, tăng năng suất, chất lượng sản phẩm đối với các vùng sản xuất đã có, nhất là đối với các sản phẩm có hiệu quả kinh tế cao, có lợi thế cạnh tranh của tỉnh như: mía nguyên liệu tập trung ở các huyện Phục Hoà, Quảng Uyên, Thạch An, Hạ Lang...; phục vụ chế biến và xuất khẩu; vùng thuốc lá tại các huyện Hà Quảng, Hòa An, Thông Nông...; sản xuất lạc, đỗ tương hàng hóa tập trung tại Quảng Uyên, Trùng Khánh, Hà Quảng, Trà Lĩnh, Thạch An... Tiếp tục triển khai thực hiện các chính sách mới của Nhà nước về hỗ trợ sản xuất nông, lâm, ngư nghiệp, đặc biệt là chính sách hỗ trợ sản xuất sản phẩm hàng hóa mới.

Cung ứng đủ, kịp thời các loại giống cây trồng, vật nuôi, giống cây lâm nghiệp, giống thủy sản, phân bón, thuốc bảo vệ thực vật, thuốc thú y, đồng thời đẩy mạnh phòng trừ dịch - bệnh cho gia súc, gia cầm, dịch bệnh hại cây trồng. Tăng cường công tác sơ chế, bảo quản nông lâm sản, thực phẩm nhằm nâng cao giá trị của hàng hóa. Phát triển các cơ sở nhỏ bảo quản sơ chế nông sản ở nông thôn. Đẩy mạnh các hình thức sản xuất theo mô hình trang trại, tổ hợp tác xã trong nông nghiệp, doanh nghiệp sản xuất tiêu thụ nông, lâm sản ở nông thôn. Tạo điều kiện thông thoáng để các doanh nghiệp hợp tác liên kết với nông dân sản xuất.

d) Tiếp tục tập trung phát triển công nghiệp có thế mạnh của tỉnh như: khai thác và chế biến khoáng sản, phát triển thủy điện, sản xuất vật liệu xây dựng, chế biến nông, lâm sản. Hỗ trợ khuyến khích phát triển ngành nghề thủ công truyền thống gắn với phát triển nông nghiệp nông thôn và thị trường tiêu thụ sản phẩm. Khai thác sử dụng hợp lý, có hiệu quả tài nguyên thiên nhiên, bảo vệ và cải thiện môi trường.

Tiếp tục cân đối vùng nguyên liệu để các nhà máy chế biến khoáng sản đang hoạt động đã có sản phẩm để đảm bảo sản xuất ổn định và phát huy tối đa công suất, góp phần tăng giá trị sản xuất công nghiệp. Chỉ đạo, đôn đốc các nhà đầu tư đẩy nhanh tiến độ thi công các dự án để hoàn thành đi vào sản xuất, nhất là đối với một số dự án quan trọng như: dự án phiêu thép Chu Trinh; nhà máy thủy điện Bảo Lâm, thủy điện Hòa Thuận, thủy điện Hồng Nam; nhà máy sản xuất than cốc Chu Trinh, khu công nghiệp quặng siêu mịn Nam Phong, các nhà máy chế biến nông, lâm sản...

Đầu tư hoàn thiện cơ sở hạ tầng các khu, cụm công nghiệp, nhằm tạo điều kiện để thu hút, phát triển mạnh các ngành nghề truyền thống, phát triển các ngành công nghiệp công nghệ cao... Thu hút các doanh nghiệp vào đầu tư sản xuất kinh doanh trong các khu, cụm công nghiệp khi đã xây dựng đồng bộ, đầy đủ cơ sở hạ tầng theo quy hoạch được duyệt.

Rà soát tình hình thực hiện các dự án đã được cấp Giấy chứng nhận đầu tư, kiên quyết thu hồi giấy chứng nhận đầu tư đối với các dự án tiến độ triển khai chậm, năng lực chủ đầu tư yếu để cấp cho các nhà đầu tư khác có năng lực triển khai dự án.

e) Tiếp tục đẩy mạnh phát triển lĩnh vực thương mại, dịch vụ, du lịch. Triển khai thực hiện các cơ chế, chính sách của Nhà nước và của tỉnh để khuyến khích phát triển các loại hình thương mại truyền thống và hiện đại. Công khai và phổ biến rộng rãi trên các phương tiện thông tin đại chúng về quy hoạch phát triển ngành thương mại để thu hút các thành phần kinh tế tham gia đầu tư kết cấu hạ tầng thương mại của tỉnh.

Tăng cường đầu tư kết cấu hạ tầng thương mại như: hệ thống chợ, siêu thị, trung tâm thương mại; kết hợp với xây dựng mạng lưới phân phối kết nối với các địa phương trong tỉnh, trong vùng và nước ngoài (Trung Quốc). Tăng cường công tác quản lý thị trường, đảm bảo môi trường cạnh tranh lành mạnh, bình đẳng giữa các thành phần kinh tế. Tích cực vận động, xúc tiến thương mại và đầu tư thông qua các hình thức như: hội nghị xúc tiến đầu tư, hội chợ thương mại, đăng ký danh mục gọi vốn đầu tư trong nước và nước ngoài... Khai thác tiềm năng, thế mạnh của tỉnh có nhiều cửa khẩu, đẩy mạnh hoạt động xuất nhập khẩu và hợp tác phát triển du lịch với Trung Quốc.

Tiếp tục nghiên cứu, rà soát, bổ sung ban hành cơ chế chính sách thu hút các nhà đầu tư vào khai thác tiềm năng, phát triển du lịch của tỉnh; thông tin, quảng bá xúc tiến du lịch cả về nội dung và hình thức; đầu tư đổi mới các ấn phẩm quảng bá du lịch như: Bản đồ du lịch, cẩm nang du lịch, đĩa VCD, bản tin du lịch... củng cố, kiện toàn và nâng cao chất lượng nguồn nhân lực làm công tác xúc tiến, quảng bá du lịch để đáp ứng nhu cầu ngày càng cao của khách du lịch.

Cùng với nguồn vốn nhà nước hỗ trợ, tăng cường vận động các nguồn vốn xã hội hóa để đầu tư kết cấu hạ tầng du lịch, trước hết tập trung vào những khu du lịch trọng điểm như: khu du lịch Thác Bản Giốc, khu di tích lịch sử Pác Bó, khu sinh thái Phia Oắc - Phia Đén...

g) Tiếp tục đẩy mạnh đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng kinh tế-xã hội như: đầu tư hệ thống kết cấu hạ tầng tại các khu đô thị, đặc biệt là tại khu đô thị mới Đề Thám (Thành phố Cao Bằng), các cửa khẩu giáp với tỉnh Quảng Tây (Trung Quốc), các tuyến đường giao thông như TL 207 (Quảng Uyên - Thị trấn Thanh Nhật - cửa khẩu Bí Hà), TL 209 (Thành phố Cao Bằng - Quang Trọng, Thạch An), đường tránh nối QL3 và QL4...các tuyến đường huyện, đường xã, các hệ thống kênh mương thủy lợi, các cơ sở giáo dục, y tế, văn hóa...

h) Huy động tối đa và sử dụng có hiệu quả nguồn lực tài chính Nhà nước và xã hội cho đầu tư phát triển. Căn cứ vào khả năng nguồn vốn đầu tư trong giai đoạn 2016 - 2020, xác định đầu tư tập trung vào những vùng động lực, lĩnh vực trọng tâm và các dự án quan trọng, cấp bách của tỉnh. Đảm bảo môi trường tài chính lành mạnh, bồi dưỡng và mở rộng nguồn thu ngân sách nhằm đảm bảo tăng thu ngân sách hàng năm, đồng thời thực hiện tốt quản lý chi ngân sách đúng quy định của pháp luật.

## 2.2. Về văn hóa - xã hội

a) Đẩy mạnh xã hội hóa, chuẩn hóa, hiện đại hóa nhằm nâng cao chất lượng giáo dục và đào tạo. Chú trọng phát triển giáo dục, dạy nghề, tạo nguồn nhân lực đáp ứng cho phát triển kinh tế và cho xuất khẩu lao động. Quan tâm hỗ trợ các đối tượng chính sách, đồng bào dân tộc thiểu số, trẻ em khuyết tật, người ở vùng có điều kiện kinh tế xã hội đặc biệt khó khăn. Chú trọng bồi dưỡng học sinh năng khiếu, học giỏi.

Tăng cường đầu tư, hoàn thiện cơ sở vật chất, thiết bị kỹ thuật phục vụ cho giáo dục dạy và học theo hướng chuẩn hoá, đồng bộ và từng bước hiện đại. Đầu tư nhà ở cho học sinh bán trú dân nuôi; nhà ở công vụ cho giáo viên. Đầu tư trang thiết bị dạy và học theo hướng hiện đại, đảm bảo nâng cao chất lượng dạy và học. Ưu tiên nguồn vốn của Nhà nước đầu tư, vốn từ các dự án, chương trình mục tiêu giáo dục cho vùng sâu vùng xa, vùng đặc biệt khó khăn.

Ưu tiên đầu tư xây dựng phòng học chức năng, phòng học bộ môn, thí nghiệm, thư viện và công trình phụ trợ khác. Đến năm 2020, toàn bộ các cơ sở giáo dục trên địa bàn tỉnh đều được xây dựng kiên cố, hoàn thiện các công trình phụ trợ; đáp ứng nhu cầu nhà ở bán trú cho học sinh, nhà công vụ cho giáo viên công tác tại các xã vùng 2, vùng 3 của tỉnh; hoàn thiện phòng học, phòng thí nghiệm, thực hành, xưởng trường, phòng làm việc của các phòng ban, ký túc xá.

b) Nâng cấp mạng lưới y tế cơ sở, y tế dự phòng, bệnh viện đa khoa tỉnh, huyện và khu vực; đẩy mạnh xã hội hóa các hoạt động y tế; nâng cao năng lực giám sát và chủ động trong công tác phòng chống dịch bệnh. Phát hiện dịch sớm, báo cáo dịch bệnh kịp thời ngay từ tuyến cơ sở, chuẩn bị về cơ sở vật chất, trang thiết bị, thuốc thiết yếu, chuẩn bị kế hoạch, phương án sẵn sàng đối phó khi có dịch bệnh xảy ra. Tăng cường công tác giám sát dịch bệnh. Tăng cường công tác tuyên truyền phòng chống dịch bệnh và tập huấn cho các cán bộ sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ khi có dịch bệnh xảy ra.

Tăng cường công tác đào tạo cán bộ, đa dạng hoá các loại hình đào tạo, huy động các nguồn lực để đào tạo cán bộ: Đào tạo nâng cao, bồi dưỡng kiến thức, đào tạo tại chỗ... nhằm từng bước nâng cao trình độ chuyên môn cho cán bộ các tuyến có đủ khả năng thực hiện công tác chăm sóc sức khoẻ nhân dân trên địa bàn.

c) Duy trì hợp lý tỷ lệ tăng dân số, nâng cao chất lượng dân số; quan tâm giải quyết việc làm cho người lao động. Tiếp tục chuyển dịch cơ cấu lao động theo hướng giảm tỷ trọng lao động khu vực nông nghiệp, tăng tỷ trọng lao động khu vực công nghiệp-xây dựng và dịch vụ. Thực hiện có hiệu quả chương trình xuất khẩu lao động. Thu đúng, thu đủ bảo hiểm xã hội bắt buộc; triển khai thực hiện tốt bảo hiểm xã hội tự nguyện và bảo hiểm thất nghiệp cho người lao động.

d) Tiếp tục xây dựng nền văn hóa Việt Nam tiến tiến, đậm đà bản sắc dân tộc; bảo tồn và phát huy giá trị văn hóa truyền thống của dân tộc; khuyến khích mọi tầng lớp nhân dân tham gia hoạt động và phát triển sự nghiệp thể dục, thể thao; chú trọng nâng cao sức khỏe đối với người cao tuổi, tàn tật, trẻ em. Bảo đảm an sinh xã hội; đấu tranh ngăn chặn các loại tội phạm, đẩy lùi các tệ nạn xã hội.

e) Chú trọng nâng cao trình độ, đời sống vật chất và tinh thần cho phụ nữ, tạo điều kiện để thực hiện và phát huy vai trò của phụ nữ trong mọi lĩnh vực của đời sống xã hội. Tôn trọng và bảo đảm quyền trẻ em theo Công ước quốc tế và pháp luật về bảo vệ, chăm sóc, giáo dục trẻ em của Việt Nam.

g) Tăng cường tuyên truyền, vận động đồng bào các dân tộc thực hiện tốt chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của nhà nước về vấn đề dân tộc; làm tốt công tác nắm tình hình, tâm tư nguyện vọng của đồng bào các dân tộc. Tổ chức thực hiện có hiệu quả các chương trình, chính sách dân tộc.

### 2.3. Về Nội vụ, ngoại vụ, thanh tra, tư pháp, cải cách hành chính

a) Thực hiện tốt công tác quy hoạch, đào tạo bồi dưỡng nâng cao trình độ cho đội ngũ cán bộ công chức, viên chức; tăng cường công tác điều động, luân chuyển cán bộ; tiếp tục thực hiện có hiệu quả Chương trình nâng cao chất lượng hệ thống chính trị cơ sở, Đề án về vị trí việc làm, tiêu chuẩn chức danh cán bộ, công chức. Xây dựng đội ngũ chuyên gia giỏi, nhất là đội ngũ cán bộ, công chức tham mưu cấp chiến lược.

b) Thực hiện đồng bộ, toàn diện về đối ngoại Đảng, ngoại giao Nhà nước và đối ngoại nhân dân, trên tất cả các lĩnh vực công tác ngoại giao chính trị, ngoại giao kinh tế, ngoại giao văn hóa nhằm thúc đẩy phát triển kinh tế đối ngoại; công tác biên giới lãnh thổ, công tác hợp tác quốc tế, công tác người Việt Nam ở nước ngoài, công tác vận động viện trợ, thu hút đầu tư nước ngoài. Tiếp tục triển khai thực hiện có hiệu quả các chương trình hợp tác đã thỏa thuận, ký kết với Khu tự trị dân tộc Choang Quảng Tây, Trung Quốc đi vào chiều sâu, thiết thực, hiệu quả và toàn diện, chủ động mở rộng quan hệ hợp tác với một số địa phương khác của Trung Quốc, thiết lập quan hệ hữu nghị với các nước để nâng cao hơn nữa hiệu quả công tác đối ngoại.

c) Tiếp tục thanh tra toàn diện trên các lĩnh vực, đặc biệt tập trung vào lĩnh vực xây dựng cơ bản, tài chính và đất đai, các chương trình, dự án; gắn thanh tra với đấu tranh phòng ngừa tham nhũng, lãng phí. Kết thúc việc kiểm tra, rà soát, giải quyết các vụ việc tồn đọng, phức tạp, kéo dài; tập trung kiểm tra, đôn đốc thực hiện kết luận kết luận, kiến nghị xử lý sau thanh tra. Nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác tiếp dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo trên phạm vi toàn tỉnh. Chủ động nắm tình hình và giải quyết ngay tại cơ sở, không để xảy ra khiếu kiện đông người, hạn chế khiếu kiện vượt cấp. Phấn đấu giải quyết cơ bản các vụ việc khiếu nại, để phục vụ tốt nhiệm vụ chính trị địa phương.

d) Nâng cao hiệu quả xây dựng văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân và hoàn thiện thể chế trên địa bàn toàn tỉnh, đưa công tác ban hành văn bản đi vào nề nếp, thống nhất; đảm bảo hợp Hiến, đúng quy định tại các văn bản pháp luật mới được sửa đổi, ban hành như Hiến pháp năm 2013, Luật Đất Đai, Luật Xử lý vi phạm hành chính... và đảm bảo tính khả thi. Rà soát và xây dựng Hệ thống thông tin về văn bản quy phạm pháp luật thống nhất từ Trung ương tới địa phương. Xây dựng môi trường nhập dữ liệu và khai thác dữ liệu văn bản quy phạm pháp luật thống nhất từ Trung ương tới địa phương trên môi trường mạng, có khả năng cung cấp nhanh, chính xác, kịp thời các thông tin về văn bản quy phạm pháp luật phục vụ công tác xây dựng, thi hành và bảo vệ pháp luật của các cơ quan Nhà nước, đáp ứng yêu cầu quản lý kinh tế, quản lý xã hội của các cơ quan, tổ chức và cá nhân.

e) Đẩy mạnh cải cách hành chính, nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý của các cơ quan hành chính Nhà nước trong tỉnh; thực hiện cơ chế “một cửa”, cơ chế “một cửa” liên thông tại cơ quan hành chính Nhà nước các cấp gắn với rà soát, đơn giản hóa thủ tục hành chính hiện hành. Tăng cường sự phân cấp gắn với quyền hạn và nâng cao trách nhiệm. Tăng cường áp dụng công nghệ thông tin vào các hoạt động của cơ quan Nhà nước.

#### 2.4. Về Quốc phòng, an ninh

Tiếp tục thực hiện tốt Nghị quyết TW 8 (khoá IX) về chiến lược bảo vệ Tổ quốc trong tình hình mới; xây dựng khu vực phòng thủ, tăng cường công tác quản lý Nhà nước về quốc phòng, an ninh, trật tự xã hội trên địa bàn; xác định rõ cơ chế phối hợp, phạm vi quản lý của từng ngành, từng địa phương, đặc biệt là ở các địa bàn trọng điểm. Thường xuyên cảnh giác, đảm bảo giữ vững an ninh quốc gia và toàn vẹn lãnh thổ. Nâng cao khả năng sẵn sàng chiến đấu của quân đội, khả năng chủ động ứng phó của các lực lượng trong mọi tình huống. Chủ động trong mọi tình huống, bảo vệ vững chắc chủ quyền, toàn vẹn lãnh thổ và an ninh quốc gia; đảm bảo ổn định chính trị và trật tự, an toàn xã hội. Kết hợp chặt chẽ nhiệm vụ phát triển kinh tế với nhiệm vụ củng cố quốc phòng và an ninh.

**Điều 2.** Hội đồng nhân dân tỉnh giao cho Ủy ban nhân dân tỉnh triển khai thực hiện Nghị quyết này và định kỳ báo cáo kết quả thực hiện với Hội đồng nhân dân tỉnh theo quy định.

**Điều 3.** Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban Hội đồng nhân dân tỉnh và các Đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.

**Điều 4.** Nghị quyết này có hiệu lực sau 10 ngày kể từ ngày thông qua.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Cao Bằng khoá XV, kỳ họp thứ 14 thông qua./.

**Nơi nhận:**

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Chính phủ;
- Bộ Kế hoạch và Đầu tư;
- Bộ Tài chính;
- Cục Kiểm tra VBQPPL - Bộ Tư pháp;
- Thường trực Tỉnh uỷ;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- UBND tỉnh;
- UB MTTQ tỉnh;
- Đoàn ĐBQH tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- Các Sở, Ban, ngành, Đoàn thể tỉnh;
- Huyện uỷ, Thành uỷ, HĐND, UBND các huyện, Thành phố;
- TT Thông tin - VP UBND tỉnh;
- Lưu: VT.

**CHỦ TỊCH**



**Nguyễn Hoàng Anh**